

Bản án số: **50/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-4-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Thị Huỳnh Thoa
2. Hồ Phi Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Phương N, sinh năm: 1994

Địa chỉ: ấp 11, xã Xuân T, huyện C, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh S, sinh năm: 1990

Địa chỉ: ấp T, xã Xuân Th, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn chị Trần Thị Phương N trình bày: Chị và anh Trần Thanh S tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân xã Xuân Th, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Trong thời gian không sống chung, anh chị không quan tâm đến nhau. Nay chị

không còn tình cảm gì với anh S nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Phương D, sinh ngày: 29/3/2016. Chị yêu cầu được nuôi cháu D và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Theo bị đơn anh Trần Thanh S trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về việc kết hôn, diễn biến cuộc hôn nhân. Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu yêu thương tôn trọng nhau và cách nhìn nhận cuộc sống không hợp nhau. Mặc dù hai bên cố gắng hòa giải, gia đình 2 bên cũng đã can thiệp nhưng không có kết quả. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2021 đến nay, từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung như chị N trình bày. Anh yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Thị Phương D, sinh ngày: 29/3/2016 và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Phương N được ly hôn với anh Trần Thanh S.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Trần Ngọc Phương D, sinh năm 2016 cho chị N nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh S cấp nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh S.

- Về tài sản chung: Chị N và anh S trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị N, anh S trình bày không có nợ chung nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh S tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Th, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nhận thấy, chị N khai cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Anh S thừa nhận vợ chồng sống không hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu yêu thương tôn trọng nhau và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý. Do tình trạng hôn nhân của chị N và anh S mâu thuẫn đã trầm trọng, chị N xin ly hôn và anh S đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Phương D, sinh ngày 29/3/2016. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S cũng yêu cầu được nuôi cháu D và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu D còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để cháu được phát triển toàn diện hơn, mặt khác cháu D đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân từ tháng 6/2021 đến nay nên giao cháu D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tạm thời không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các bên khai không có nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các bên khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Trần Thị Phương N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương N được ly hôn với anh Trần Thanh S.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyền số 01/2015 ngày 27/10/2015 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Th, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Phương D, sinh ngày 29/3/2016 cho chị Trần Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có

khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Phương N tạm thời không yêu cầu anh Trần Thanh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Trần Thanh S được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị Phương N. Khi cần thiết, chị Trần Thị Phương N và anh Trần Thanh S được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Các bên khai không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Các bên khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Phương N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005900 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X. Chị Trần Thị Phương N đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Phương N và anh Trần Thanh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phượng